



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0102004703

0102004703, điều chỉnh lần 1

0102004703, điều chỉnh lần 2

0102004703, điều chỉnh lần 3

0103018927

0103018927, điều chỉnh lần 1

0103018927, điều chỉnh lần 2

0101217009, điều chỉnh lần 3

0101217009, điều chỉnh lần 4

0101217009, điều chỉnh lần 5

0101217009, điều chỉnh lần 6

0101217009, điều chỉnh lần 7

0101217009, điều chỉnh lần 8

0101217009, điều chỉnh lần 9

0101217009, điều chỉnh lần 10

0101217009, điều chỉnh lần 11

ngày 11/3/2002

ngày 27/10/2003

ngày 27/02/2006

ngày 3/8/2007

ngày 8/8/2007

ngày 20/8/2009

ngày 23/10/2009

ngày 25/5/2010

ngày 21/6/2010

ngày 4/11/2010

ngày 4/3/2011

ngày 16/3/2011

ngày 21/6/2011

ngày 7/11/2011

ngày 03/5/2012

ngày 01/8/2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Trần Xuân Kiên

Đỗ Thị Thu Hương

Srisant Chitvaranund

Nghiêm Xuân Thắng

Đỗ Kim Liên

Hoàng Anh Tuấn

Bùi Xuân Hùng

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Trần Xuân Kiên

Đỗ Thị Thu Hương

Nghiêm Xuân Thắng

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký

1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng

Quận Đống Đa

Hà Nội

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 4 đến trang 32, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội,

23 -03- 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 32. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-02-114



Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2013

Lê Việt Hùng

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0296/KTV

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		320.955.848.193	321.589.952.491
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	58.764.220.404	36.140.042.928
Tiền	111		14.764.220.404	15.640.042.928
Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	20.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	96.629.887.392	104.885.360.220
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		96.629.887.392	104.885.360.220
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.066.311.443	5.870.701.075
Phải thu khách hàng	131		14.875.379.573	3.261.068.190
Trả trước cho người bán	132		190.931.870	2.609.632.885
Hàng tồn kho	140	6	132.666.785.436	133.757.113.752
Hàng tồn kho	141		135.893.819.223	136.984.147.539
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.227.033.787)	(3.227.033.787)
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.828.643.518	40.936.734.516
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.528.271.606	2.208.403.510
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.469.895.396	4.562.951.943
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	4.830.476.516	34.165.379.063
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		68.462.719.475	35.347.072.235
Tài sản cố định	220		13.460.057.316	11.756.419.547
Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.058.045.034	5.679.248.215
Nguyên giá	222		18.641.926.999	11.344.631.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.583.881.965)	(5.665.383.724)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	92.087.348
Nguyên giá	228		866.331.960	908.414.960
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(866.331.960)	(816.327.612)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	4.402.012.282	5.985.083.984
Tài sản dài hạn khác	260		55.002.662.159	23.590.652.688
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.139.909.079	1.617.752.688
Tài sản dài hạn khác	268	12	52.862.753.080	21.972.900.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		389.418.567.668	356.937.024.726

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		144.264.067.449	140.147.554.754
Nợ ngắn hạn	310		144.264.067.449	139.650.849.441
Phải trả người bán	312		130.907.225.843	103.065.872.774
Người mua trả tiền trước	313		541.735.452	1.504.847.717
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.994.491.000	5.813.208.784
Phải trả người lao động	315		5.581.312.218	7.840.724.809
Chi phí phải trả	316		1.919.280.410	2.901.037.200
Phải trả khác	319	14	1.291.806.288	18.148.863.777
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2.028.216.238	376.294.380
Nợ dài hạn	330		-	496.705.313
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	15	-	496.705.313
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		245.154.500.219	216.789.469.972
Vốn chủ sở hữu	410	16	245.154.500.219	216.789.469.972
Vốn cổ phần	411	17	123.990.160.000	83.425.060.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	17	68.613.164.001	68.613.164.001
Cổ phiếu quỹ	414	17	(6.250.995.640)	(6.175.395.640)
Quỹ đầu tư phát triển	417	18	424.368.000	424.368.000
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	8.087.214.032	5.100.880.563
Lợi nhuận chưa phân phối	420		50.290.589.826	65.401.393.048
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		389.418.567.668	356.937.024.726

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

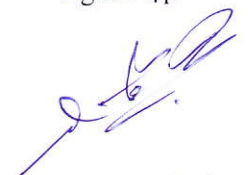
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngoại tệ (USD)	8.470	6.205

Người lập:


Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

23 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	19	1.695.832.442.452	1.661.971.351.883
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	20.824.711.706	10.716.976.000
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	19	1.675.007.730.746	1.651.254.375.883
Giá vốn hàng bán	11		1.514.500.918.899	1.499.623.892.588
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		160.506.811.847	151.630.483.295
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	18.117.663.739	22.009.738.534
Chi phí bán hàng	24		115.839.895.104	74.807.175.719
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.797.432.217	17.538.863.350
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		40.987.148.265	81.294.182.760
Thu nhập khác	31		1.454.934.692	366.810.883
Chi phí khác	32		406.488.283	381.022.659
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.048.446.409	(14.211.776)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.035.594.674	81.279.970.984
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	10.608.630.958	21.553.301.606
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		31.426.963.716	59.726.669.378
Lãi trên cổ phiếu		22		Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.583	4.915

Người lập:

Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

23 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ khách hàng	01		1.828.902.904.463	1.819.128.367.551
Tiền đã thanh toán cho nhà cung cấp	02		(1.725.880.568.647)	(1.737.012.209.520)
Tiền đã trả công nhân viên	03		(48.742.255.020)	(34.767.983.636)
Thuế thu nhập đã nộp	05		(14.427.348.742)	(20.844.029.995)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.395.305.525	7.598.961.533
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.862.802.107)	(12.950.805.822)
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	20		22.385.235.472	21.152.300.111

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.898.393.157)	(10.276.728.634)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	6.109.091
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 90 ngày	23		(305.705.670.844)	(104.885.360.220)
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 90 ngày	24		313.961.143.672	2.350.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		18.120.219.833	20.905.298.725
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động đầu tư	30		16.477.299.504	(91.900.681.038)

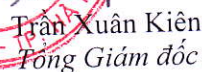
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B 03 – DN

Người lập:

Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



23 -03- 2013

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 725 nhân viên (31/12/2011: 695 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đánh giá

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ nâng cấp siêu thị	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa được lắp đặt. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(r) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các bên liên quan khác phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	204.232.741	931.684.324
Tiền gửi ngân hàng	10.696.104.663	4.503.288.104
Tiền đang chuyển	3.863.883.000	10.205.070.500
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	20.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	58.764.220.404	36.140.042.928

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 90 đến 120 ngày.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 11.000 triệu VND (31/12/2011: 3.500 triệu VND) bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo lãnh với nhà cung cấp của Công ty.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ và dụng cụ	215.028.114	329.519.965
Thành phẩm	690.700.415	1.607.006.028
Hàng hóa	134.988.090.694	135.047.621.546
	<hr/>	<hr/>
	135.893.819.223	136.984.147.539
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.227.033.787)	(3.227.033.787)
	<hr/>	<hr/>
	132.666.785.436	133.757.113.752

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 47.911 triệu VND giá trị hàng hóa, thành phẩm (31/12/2011: 52.060 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đặt cọc ngắn hạn tiền thuê	-	29.759.820.339
Tạm ứng cho nhân viên	247.540.449	342.593.945
Các khoản khác	4.582.936.067	4.062.964.779
	<hr/>	<hr/>
	4.830.476.516	34.165.379.063
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp sửa chữa siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	168.026.610	3.172.697.744	4.073.246.232	3.930.661.353	11.344.631.939
Tăng trong năm	-	1.517.171.595	-	-	1.517.171.595
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.142.827.859	1.287.040.910	2.567.382.468	-	5.997.251.237
Thanh lý	-	(189.970.772)	(27.157.000)	-	(217.127.772)
Số dư cuối năm	2.310.854.469	5.786.939.477	6.613.471.700	3.930.661.353	18.641.926.999
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.600.887	2.470.228.475	2.440.826.851	748.727.511	5.665.383.724
Khấu hao trong năm	462.170.894	1.163.765.850	1.849.298.516	655.110.225	4.130.345.485
Thanh lý	-	(189.970.772)	(21.876.472)	-	(211.847.244)
Số dư cuối năm	467.771.781	3.444.023.553	4.268.248.895	1.403.837.736	9.583.881.965
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	162.425.723	702.469.269	1.632.419.381	3.181.933.842	5.679.248.215
Số dư cuối năm	1.843.082.688	2.342.915.924	2.345.222.805	2.526.823.617	9.058.045.034

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 4.075 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 1.899 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	908.414.960
Xóa sổ	(42.083.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	866.331.960
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	816.327.612
Khấu hao trong năm	92.087.348
Xóa sổ	(42.083.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	866.331.960
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	92.087.348
Số dư cuối năm	-
	<hr/>

Tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 610 triệu VND).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	5.985.083.984	-
Tăng trong năm	8.236.812.014	6.733.869.994
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.997.251.237)	(623.546.010)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.080.386.704)	(125.240.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.742.245.775)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.402.012.282	5.985.083.984

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Số dư của chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối năm bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	-	2.142.827.859
Sửa chữa siêu thị	540.498.876	2.126.920.720
Chi phí phát triển phần mềm	3.489.183.588	1.531.547.405
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	372.329.818	183.788.000
	4.402.012.282	5.985.083.984

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	737.370.873	880.381.815	1.617.752.688
Tăng trong năm	144.409.548	-	144.409.548
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.688.817.804	391.568.900	2.080.386.704
Phân bổ trong năm	(1.096.182.193)	(580.949.543)	(1.677.131.736)
Xóa sổ	(25.508.125)	-	(25.508.125)
Phân loại lại	193.534.573	(193.534.573)	-
Số dư cuối năm	1.642.442.480	497.466.599	2.139.909.079

12. Tài sản dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản đặt cọc tiền thuê các siêu thị của Công ty.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.994.491.000	5.813.208.784

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Phải trả khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cổ tức phải trả	75.339.577	16.239.742.077
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.044.483.410	1.151.617.009
Doanh thu chưa thực hiện	141.668.666	628.226.847
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.314.635	129.277.844
	<hr/>	<hr/>
	1.291.806.288	18.148.863.777

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	496.705.313
Dự phòng sử dụng trong năm	(68.642.853)
Số hoàn nhập trong năm	(428.062.460)
	<hr/>
Số dư cuối năm	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 389 triệu VND (2011: 224 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	58.011.480.000	68.613.164.001	(2.500.000)	424.368.000	3.268.517.815	48.881.575.255	179.196.605.071
Phát hành cổ phiếu thưởng	23.203.580.000	-	-	-	-	(23.203.580.000)	-
Phát hành cổ phiếu theo Chương trình Quyền chọn mua Cổ phiếu dành cho Nhân viên	2.210.000.000	-	-	-	-	-	2.210.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.832.362.748	59.726.669.378	59.726.669.378
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(1.832.362.748)	(1.832.362.748)
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.172.895.640)	-	-	-	(6.172.895.640)
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(16.232.712.000)	(16.232.712.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm trước	-	-	-	-	-	(105.834.089)	(105.834.089)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	83.425.060.000	68.613.164.001	(6.175.395.640)	424.368.000	5.100.880.563	65.401.393.048	216.789.469.972
Phát hành cổ phiếu thưởng	40.565.100.000	-	-	-	-	(40.565.100.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	31.426.963.716	31.426.963.716
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	2.986.333.469	(2.986.333.469)	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.986.333.469)	(2.986.333.469)
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(75.600.000)	-	-	-	(75.600.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	123.990.160.000	68.613.164.001	(6.250.995.640)	424.368.000	8.087.214.032	50.290.589.826	245.154.500.219

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.399.016	123.990.160.000	8.121.506	81.215.060.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	12.399.016	123.990.160.000	8.342.506	83.425.060.000
	12.399.016	123.990.160.000	8.342.506	83.425.060.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(237.255)	(2.372.550.000)	(226.150)	(2.261.500.000)
	(237.255)	(2.372.550.000)	(226.150)	(2.261.500.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	12.161.761	121.617.610.000	8.116.356	81.163.560.000
	12.161.761	121.617.610.000	8.116.356	81.163.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	8.116.356	81.163.560.000	5.800.898	58.008.980.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm (*)	4.056.510	40.565.100.000	2.320.358	23.203.580.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	-	221.000	2.210.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(7.560)	(75.600.000)	(225.900)	(2.259.000.000)
Cổ phiếu thưởng thu hồi trong kỳ	(3.545)	(35.450.000)	-	-
Số dư cuối năm	12.161.761	121.617.610.000	8.116.356	81.163.560.000

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ một (1) cổ phiếu thưởng cho mỗi hai (2) cổ phiếu nắm giữ. Việc phân phối này đã được các cổ đông của Công ty phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên vào ngày 11 tháng 4 năm 2012.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Bao gồm trong số cổ phiếu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 2.707.344 cổ phiếu (31/12/2011: 1.804.896 cổ phiếu) được nắm giữ bởi công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á (“Aureos”). Theo các điều khoản trong thỏa thuận giữa Công ty và Aureos ký ngày 10 tháng 6 năm 2010 (“Thỏa thuận”), Công ty cam kết với Aureos nếu Aureos không nhận được lợi nhuận đầu tư tối thiểu theo thỏa thuận trong thời gian 3 năm đầu tiên đầu tư vào Công ty, Aureos có quyền tính một mức phí quản lý trị giá 21,3 tỷ VND đối với Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Công ty sẽ phải trả khoản phí quản lý đó. Theo đó, báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 không có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến khoản phí quản lý phải trả cho Aureos. Đồng thời, trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ phải trả khoản phí này, Công ty sẽ sử dụng nguồn từ thặng dư vốn cổ phần để trả khoản phí đó (việc thanh toán khoản phí này, về bản chất, phản ánh giá thực tế cuối cùng của số cổ phiếu đã bán cho Aureos từ năm 2010).

Sự tồn tại của nghĩa vụ phải trả phí quản lý của Công ty cho Aureos tùy thuộc vào các sự kiện trong tương lai mà kết quả của các sự kiện này vốn không chắc chắn.

18. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Theo biên bản Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 11 tháng 4 năm 2012, Công ty quyết định chuyển 5% lợi nhuận thuần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty vào quỹ dự phòng tài chính thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.695.832.442.452	1.661.971.351.883
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(20.824.711.706)	(10.716.976.000)
Doanh thu thuần	<u>1.675.007.730.746</u>	<u>1.651.254.375.883</u>

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	18.117.663.739	22.000.761.127
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	8.977.407
	<u>18.117.663.739</u>	<u>22.009.738.534</u>

21. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	10.608.630.958	21.450.501.163
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	102.800.443
	<u>10.608.630.958</u>	<u>21.553.301.606</u>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	42.035.594.674	81.279.970.984
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.508.898.669	20.319.992.746
Chi phí không được khấu trừ thuế	99.732.289	1.130.508.417
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	102.800.443
	10.608.630.958	21.553.301.606

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

22. Lãi trên cổ phiếu**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 31.426.963.716 VND (2011: 59.726.669.378 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.164.821 cổ phiếu (2011 (đã điều chỉnh lại): 12.152.219), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	31.426.963.716	59.726.669.378
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	31.426.963.716	59.726.669.378

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2012 VND	2011 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	8.116.356	5.800.898
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mới phát hành theo chương trình ESOP trong năm 2011	-	3.633
Cổ phiếu thưởng phát hành ngày 18 tháng 5 năm 2011	-	2.320.358
Cổ phiếu thưởng phát hành ngày 5 tháng 6 năm 2012	4.056.510	
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(4.500)	(25.635)
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong năm	(3.545)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	12.164.821	8.099.254

(iii) Điều chỉnh lại số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông	Lãi trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo trước đây	8.099.254	7.374
Điều chỉnh lại do phát hành cổ phiếu thưởng ngày 5 tháng 6 năm 2012	4.056.510	(2.461)
Điều chỉnh lại do thu hồi cổ phiếu thưởng từ nhân viên	(3.545)	2
Đã điều chỉnh lại	12.152.219	4.915

23. Các công cụ tài chính**(a) Quản lý rủi ro tài chính****(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty thực hiện việc giám sát Ban giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty, cũng như rà soát tính thích hợp của các chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4	58.559.987.663	35.208.358.604
Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	96.629.887.392	104.885.360.220
Các khoản phải thu khách hàng		14.875.379.573	3.261.068.190
		<hr/>	<hr/>
		170.065.254.628	143.354.787.014

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín của Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín của Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***Các khoản phải thu khách hàng*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu thương mại từ các khách hàng của Công ty. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã thu hồi hết các khoản phải thu thương mại này.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Phần lớn doanh thu bán hàng của Công ty được thực hiện qua những giao dịch trả tiền ngay

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả thương mại	130.907.225.843	130.907.225.843	130.907.225.843
Chi phí phải trả	1.919.280.410	1.919.280.410	1.919.280.410
Phải trả khác	1.150.137.622	1.150.137.622	1.150.137.622
	133.976.643.875	133.976.643.875	133.976.643.875

31/12/2011

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả thương mại	103.065.872.774	103.065.872.774	103.065.872.774
Chi phí phải trả	2.901.037.200	2.901.037.200	2.901.037.200
Phải trả khác	17.520.636.930	17.520.636.930	17.520.636.930
	123.487.546.904	123.487.546.904	123.487.546.904

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro hối đoái bởi tất cả nghiệp vụ bán hàng và mua hàng của Công ty đều được thực hiện bằng Việt Nam Đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính – Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	20.500.000.000
Tài sản tài chính – Các khoản đầu tư ngắn hạn	96.629.887.392	104.885.360.220
	<hr/>	<hr/>
	140.629.887.392	125.385.360.220

Các công cụ tài chính trên của Công ty có lãi suất cố định, do đó Công ty không chịu rủi ro biến động lãi suất.

(e) Giá trị hợp lý**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có sự khác biệt lớn so với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng nhận được	9.816.100.000	5.609.200.000
Trả cổ tức	3.926.440.000	2.394.600.000
Cổ tức phải trả	-	3.926.440.000
Đỗ Thị Thu Hương		
Cổ phiếu thưởng nhận được	9.268.210.000	5.296.120.000
Trả cổ tức	3.707.284.000	2.238.060.000
Cổ tức phải trả	-	3.707.284.000
Công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á		
Cổ phiếu thưởng nhận được	9.024.480.000	4.292.840.000
Trả cổ tức	3.609.792.000	2.146.424.000
Cổ tức phải trả	-	3.609.792.000
Đỗ Thị Kim Liên		
Cổ phiếu thưởng nhận được	1.939.940.000	505.680.000
Trả cổ tức	397.976.000	252.840.000
Cổ tức phải trả	-	397.976.000
Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2011	-	220.000.000
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng nhận được	906.000.000	472.000.000
Trả cổ tức	362.400.000	236.000.000
Cổ tức phải trả	-	362.400.000
Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2011	-	160.000.000
Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thưởng nhận được	405.000.000	150.000.000
Trả cổ tức	162.000.000	75.000.000
Cổ tức phải trả	-	162.000.000
Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2011	-	285.000.000
Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thưởng nhận được	267.320.000	129.900.000
Trả cổ tức	106.930.000	72.950.000
Cổ tức phải trả	-	106.930.000
Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2011	-	80.000.000
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao đã trả	416.900.000	110.000.000

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Cam kết


Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	52.968.363.153	55.868.542.874
Trong vòng hai đến năm năm	123.894.935.307	122.721.966.008
Sau năm năm	144.159.717.450	74.935.316.855
	<hr/>	<hr/>
	321.023.015.910	253.525.825.737

26. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.514.500.918.899	1.499.623.892.588
Chi phí nhân công	53.434.233.013	42.256.436.667
Chi phí khấu hao	4.222.432.833	4.781.042.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.306.487.156	41.302.624.614
Chi phí khác	10.674.174.319	4.005.935.019

Người lập:


Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

23 -03- 2013